



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

4200239089

Ngày 25 tháng 1 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200239089 ngày 27 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung
Ông Đỗ Thành Liêm
Ông Đỗ Tuấn Anh
Bà Hà Thị Diệu Thu

Ông Lê Quang Hải

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)
Thành viên
(đến ngày 12 tháng 7 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Tạ Hạnh Liên
Bà Nguyễn Lê Thị Tâm Phương
Bà Trần Thái Thoại Trân

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Ban Giám đốc

Ông Lê Quang Thông

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Thôn Thủy Xương
Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh
Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Quang Thông
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 28 tháng 2 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00428-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2024

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.066.980.670.410	743.273.526.830
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	57.558.385.870	36.058.606.527
Tiền	111		57.558.385.870	36.058.606.527
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		315.303.239.305	204.823.360.162
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	168.165.947.441	103.775.767.884
Trả trước cho người bán	132	7	69.596.105.019	9.117.138.412
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	81.793.058.885	96.031.703.273
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.251.872.040)	(4.101.249.407)
Hàng tồn kho	140		655.864.411.809	459.938.155.807
Hàng tồn kho	141	10	687.053.982.228	480.093.669.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	10	(31.189.570.419)	(20.155.513.407)
Tài sản ngắn hạn khác	150		38.254.633.426	42.453.404.334
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	10.014.525.055	35.222.606.853
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.325.737.818	7.230.797.481
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.914.370.553	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		611.440.700.480	669.710.480.556
Các khoản phải thu dài hạn	210		91.250.000	90.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		91.250.000	90.000.000
Tài sản cố định	220		602.329.979.978	648.833.480.244
Tài sản cố định hữu hình	221	11	600.554.447.421	647.306.214.354
Nguyên giá	222		2.480.841.738.154	2.447.396.803.399
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.880.287.290.733)	(1.800.090.589.045)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.775.532.557	1.527.265.890
Nguyên giá	228		1.793.265.890	1.527.265.890
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.733.333)	-
Bất động sản đầu tư cho thuê	230	13	428.218.109	583.933.785
Nguyên giá	231		3.979.612.455	3.979.612.455
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.551.394.346)	(3.395.678.670)
Tài sản dở dang dài hạn	240		443.529.002	15.827.981.949
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	443.529.002	15.827.981.949
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	400.821.659	400.821.659
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.688.700.000	1.688.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.287.878.341)	(1.287.878.341)
Tài sản dài hạn khác	260		7.746.901.732	3.974.262.919
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	7.746.901.732	3.974.262.919
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.678.421.370.890	1.412.984.007.386


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		711.482.480.831	499.057.935.685
Nợ ngắn hạn	310		711.482.480.831	499.057.935.685
Phải trả người bán	311	16	289.653.725.325	70.716.454.843
Người mua trả tiền trước	312	17	56.080.942.642	81.978.780.140
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	139.031.588	35.142.673
Phải trả người lao động	314		4.784.364.072	4.949.168.917
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.241.545.605	3.268.340.535
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.458.226.579	1.604.225.454
Vay ngắn hạn	320	20	348.119.506.500	336.347.613.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		110.836.070	158.210.123
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	5.894.302.450	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		966.938.890.059	913.926.071.701
Vốn chủ sở hữu	410	22	966.938.890.059	913.926.071.701
Vốn cổ phần	411	23	120.306.180.000	120.306.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	762.277.142.625	762.277.142.625
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	84.355.567.434	31.342.749.076
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.208.474.168	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		56.147.093.266	31.342.749.076
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.678.421.370.890	1.412.984.007.386

Ngày 28 tháng 2 năm 2024

Người lập:

 Lê Xuân Trường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Huỳnh Thị Phương Lan
 Giám đốc Tài chính



 Lê Quang Thông
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

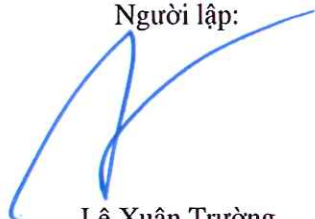
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.908.663.074.027	2.274.041.354.952
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	37.749.238.500	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.870.913.835.527	2.274.041.354.952
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.753.192.162.385	2.212.428.008.914
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		117.721.673.142	61.613.346.038
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	10.600.107.195	8.300.688.928
Chi phí tài chính	22	28	8.227.158.002	8.528.314.545
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.590.849.387	7.756.024.914
Chi phí bán hàng	25	29	5.391.039.608	1.692.685.448
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	35.223.516.323	30.148.149.383
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		79.480.066.404	29.544.885.590
Thu nhập khác	31	31	701.052.505	1.961.957.739
Chi phí khác	32	32	97.749.195	164.094.253
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		603.303.310	1.797.863.486
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		80.083.369.714	31.342.749.076
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	11.014.033.863	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		69.069.335.851	31.342.749.076

Ngày 28 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Lê Xuân Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Thị Phương Lan
Giám đốc Tài chính

Lê Quang Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	80.083.369.714	31.342.749.076
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	80.370.150.697	81.340.354.903
Các khoản dự phòng	03	11.377.466.488	7.270.369.287
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	39.530.085	450.049.476
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.928.495.291)	(5.215.821.471)
Chi phí lãi vay	06	7.590.849.387	7.756.024.914
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	172.532.871.080	122.943.726.185
Biến động các khoản phải thu	09	(138.230.134.962)	(59.986.234.934)
Biến động hàng tồn kho	10	(207.200.473.910)	12.271.006.608
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	200.815.168.961	42.716.284.507
Biến động chi phí trả trước	12	31.483.544.020	(34.286.697.525)
		59.400.975.189	83.658.084.841
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.952.080.971)	(6.826.213.588)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.928.404.416)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.146.906.043)	(220.767.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.373.583.759	76.611.104.229
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(22.706.229.598)	(29.323.478.685)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	1.253.636.363
Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.076.327.283	5.177.196.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.629.902.315)	(22.892.645.497)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	394.624.279.500	447.218.336.775
Tiền trả nợ gốc vay	34	(382.852.386.000)	(477.907.950.082)
Tiền trả cổ tức	37	(6.015.309.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.756.584.500	(30.689.613.307)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	21.500.265.944	23.028.845.425
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	36.058.606.527	13.070.314.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(486.601)	(40.553.189)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	57.558.385.870	36.058.606.527

Ngày 28 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Lê Xuân Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Thị Phương Lan
Giám đốc Tài chính

Lê Quang Thông
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Ngày 31 tháng 10 năm 2017, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam mua 65% vốn và trở thành công ty mẹ của Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất đường và các sản phẩm phụ;
- sản xuất phân bón từ chất thải hữu cơ;
- trồng cây mía; nhân giống và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- bán buôn xăng, dầu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thiết bị nhà máy đường; nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ ngành cơ khí chế tạo sản xuất đường và thực phẩm;
- chế tạo thiết bị nhà máy đường; lắp đặt dây chuyền thiết bị nhà máy đường;
- sản xuất điện và bán điện lên lưới điện quốc gia;
- khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- vận tải hàng hóa bằng ô tô khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- nghiên cứu đầu tư phát triển vùng mía;
- kinh doanh các sản phẩm đường; và
- kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 456 nhân viên (1/1/2023: 328 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

2002
CÔNG
CỔ P
ĐƯỢC
VIỆT
/ANH

3112
:HI N
NG
KP
PHỔ

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	4 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	13 năm
▪ nhà cửa	13 năm

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

02390
NG T
PHÁ
ƠN
I NA
H-T.K

01120
CHI N
ÔNG
KP
VH PHÔ

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	125.949.356	119.083.277
Tiền gửi ngân hàng	57.432.436.514	35.939.523.250
	<hr/>	<hr/>
	57.558.385.870	36.058.606.527



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cuộc Sống Việt	166.241.966.576	101.385.360.196
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	862.254.960	2.336.040.000
Các khách hàng khác	1.061.725.905	54.367.688
	168.165.947.441	103.775.767.884

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	862.254.960	2.336.040.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam	135.888.000	-
	1.000.142.960	2.336.040.000

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo người bán lớn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ Phần Mọc Tích	-	7.200.900.000
Công ty TNHH MTV Vilitas Thái Bình	67.855.032.000	1.085.086.948
Các khách hàng khác	1.741.073.019	831.151.464
	69.596.105.019	9.117.138.412

23908
G T
PHÂN
ĐN
NAI
I-T.K

M.S.C.H.
T.N.H.H.
H

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản ứng trước cho nông dân	80.739.407.173	94.831.996.772
Phải thu ngắn hạn khác	1.053.651.712	1.199.706.501
	81.793.058.885	96.031.703.273

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản phải thu khác đã quá hạn tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nông dân	4.122.112.640	4.122.112.640	-
Khác	129.759.400	129.759.400	-
	4.251.872.040	4.251.872.040	-
	1/1/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nông dân	4.050.059.139	3.971.490.007	78.569.132
Khác	129.759.400	129.759.400	-
	4.179.818.539	4.101.249.407	78.569.132

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	4.101.249.407	4.033.072.079
Trích lập dự phòng trong năm	160.779.633	110.541.287
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.157.000)	(42.363.959)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<u>4.251.872.040</u>	<u>4.101.249.407</u>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	123.179.656.796	-	34.074.000	-
Nguyên vật liệu	407.832.532.732	(19.813.764.419)	421.033.601.371	(20.155.513.407)
Công cụ và dụng cụ	229.803.112	-	171.154.589	-
Thành phẩm	74.783.989.588	-	58.824.053.200	-
Hàng hóa	81.028.000.000	(11.375.806.000)	30.786.054	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	<u>687.053.982.228</u>	<u>(31.189.570.419)</u>	<u>480.093.669.214</u>	<u>(20.155.513.407)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	20.155.513.407	14.030.243.095
Trích lập dự phòng trong năm	11.563.331.117	7.922.753.613
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(289.113.209)	(878.771.777)
Sử dụng dự phòng trong năm	(240.160.896)	(918.711.524)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<u>31.189.570.419</u>	<u>20.155.513.407</u>

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	840.609.831.823	1.577.402.798.428	18.917.899.383	10.466.273.765	2.447.396.803.399
Tăng trong năm	-	22.938.700.000	-	-	22.938.700.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.577.091.628	6.929.143.127	-	-	10.506.234.755
Số dư cuối năm	844.186.923.451	1.607.270.641.555	18.917.899.383	10.466.273.765	2.480.841.738.154
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	606.473.851.442	1.175.545.548.016	11.288.867.981	6.782.321.606	1.800.090.589.045
Khấu hao trong năm	17.903.818.383	60.454.941.741	1.021.388.297	816.553.267	80.196.701.688
Số dư cuối năm	624.377.669.825	1.236.000.489.757	12.310.256.278	7.598.874.873	1.880.287.290.733
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	234.135.980.381	401.857.250.412	7.629.031.402	3.683.952.159	647.306.214.354
Số dư cuối năm	219.809.253.626	371.270.151.798	6.607.643.105	2.867.398.892	600.554.447.421

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 809 tỷ VND (1/1/2023: 786 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

CHỈ M
 G NH
 001-G
 1-T.K
 H
 H
 3908
 G T
 H
 H
 I NA

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.527.265.890	-	1.527.265.890
Tăng trong năm	-	266.000.000	266.000.000
Số dư cuối năm	1.527.265.890	266.000.000	1.793.265.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	17.733.333	17.733.333
Số dư cuối năm	-	17.733.333	17.733.333
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.527.265.890	-	1.527.265.890
Số dư cuối năm	1.527.265.890	248.266.667	1.775.532.557

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	937.505.205	3.042.107.250	3.979.612.455
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	667.071.019	2.728.607.651	3.395.678.670
Khấu hao trong năm	72.115.783	83.599.893	155.715.676
Số dư cuối năm	739.186.802	2.812.207.544	3.551.394.346
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	270.434.186	313.499.599	583.933.785
Số dư cuối năm	198.318.403	229.899.706	428.218.109

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	15.827.981.949	10.555.316.832
Tăng trong năm	5.213.679.139	19.492.708.118
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.506.234.755)	(8.019.252.471)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(8.441.003.317)	(6.200.790.530)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.607.097.718)	-
Chuyển sang các khoản phải thu khác	(43.796.296)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	443.529.002	15.827.981.949

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	5.813.277.836
Hệ thống truyền động thiết bị khuếch tán	-	4.369.000.000
Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét	-	3.215.033.726
Cải tạo nồi hơi	230.887.392	-
Khác	212.641.610	2.430.670.387
	<hr/>	<hr/>
	443.529.002	15.827.981.949

15. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí đấu giá hạn ngạch nhập khẩu đường	-	34.000.000.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	6.537.778.228	-
Chi phí chuẩn bị chạy vụ	1.652.303.278	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.824.443.549	1.222.606.853
	<hr/>	<hr/>
	10.014.525.055	35.222.606.853

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	3.974.262.919
Tăng trong năm	5.788.134.717
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.607.097.718
Phân bổ trong năm	(3.622.593.622)
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.746.901.732

16. Phải trả người bán**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa	25.987.098.060	28.532.636.080
Công ty TNHH MTV Vilitas Thái Bình	23.692.452.000	16.972.830.000
Guangzhou Guangzhong Enterprise Group Corporation	13.207.538.218	13.207.538.218
Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa	115.548.300.000	-
Global Mind Agriculture PTE, Ltd	86.986.000.000	-
Công ty TNHH Phương Huy Linh	12.522.300.000	-
Các nhà cung cấp khác	11.710.037.047	12.003.450.545
	<hr/>	
	289.653.725.325	70.716.454.843

17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cuộc Sống Việt	52.307.322.480	52.461.483.400
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	3.216.707.802	29.215.121.880
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	100.000.000	100.000.000
Các khách hàng khác	456.912.360	202.174.860
	<hr/>	
	56.080.942.642	81.978.780.140

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ cần trừ trong năm VND	Chuyển sang khoản thuế phải thu VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	172.020.036.993	(172.020.036.993)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.542.201	(14.542.201)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.014.033.863	(14.928.404.416)	3.914.370.553	-
Thuế thu nhập cá nhân	35.142.673	1.719.709.910	(1.615.820.995)	-	139.031.588
Thuế khác	-	1.221.187.600	(1.221.187.600)	-	-
	35.142.673	185.989.510.567	(189.799.992.205)	3.914.370.553	139.031.588

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	1.037.337.165	2.398.568.749
Các khoản trích trước khác	204.208.440	869.771.786
	1.241.545.605	3.268.340.535

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2023	Biến động trong năm	31/12/2023
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	336.347.613.000	394.624.279.500 (382.852.386.000)	348.119.506.500

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam	VND	98.279.506.500	126.080.577.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	VND	249.840.000.000	210.267.036.000
		348.119.506.500	336.347.613.000

Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ.



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	31/12/2023
	VND
Số dư đầu năm	-
Trích lập trong năm	10.041.208.493
Sử dụng trong năm	(4.146.906.043)
	<hr/>
Số dư cuối năm	<u>5.894.302.450</u>



J42-

PHÁ
TỶ
M

HỒ

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	120.306.180.000	1.163.210.762.019	(400.933.619.394)	882.583.322.625
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	31.342.749.076	31.342.749.076
Cán trừ thặng dư vốn cổ phần với lỗ lũy kế	-	(400.933.619.394)	400.933.619.394	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	120.306.180.000	762.277.142.625	31.342.749.076	913.926.071.701
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	69.069.335.851	69.069.335.851
Chia cổ tức (*)	-	-	(6.015.309.000)	(6.015.309.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.041.208.493)	(10.041.208.493)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	120.306.180.000	762.277.142.625	84.355.567.434	966.938.890.059

(*) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2023, Đại Hội đồng Cổ đông đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2023 với số tiền là 6.015.309.000 VND (500 VND/cổ phiếu).



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.030.618	120.306.180.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.030.618	120.306.180.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.030.618	120.306.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	1.392.087.500	1.383.235.000
Từ hai đến năm năm	4.048.857.923	4.263.471.850
Từ năm năm trở lên	18.253.341.084	19.218.641.600
	23.694.286.507	24.865.348.450

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	407	9.788.521	5.745	134.497.473
▪ EUR	343	9.040.742	1.073	26.532.548
		<u>18.829.263</u>		<u>161.030.021</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	20.980.818.000	11.552.338.556
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	47.298.900.064	65.002.702.723
	<u>68.279.718.064</u>	<u>76.555.041.279</u>

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023	2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	1.509.927.003.651	1.208.735.071.702
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.306.445.580.366	966.382.386.032
▪ Doanh thu khác	92.290.490.010	98.923.897.218
	<hr/>	<hr/>
	2.908.663.074.027	2.274.041.354.952
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	37.749.238.500	-
	<hr/>	<hr/>
	2.870.913.835.527	2.274.041.354.952
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023	2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.522.346.208.092	1.203.982.395.683
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.136.473.499.988	913.489.172.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.274.217.908	7.043.981.836
Giá vốn hàng bán khác	83.098.236.397	87.912.458.823
	<hr/>	<hr/>
	2.753.192.162.385	2.212.428.008.914
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ ứng trước tiền cho nông dân	3.631.199.955	3.313.290.166
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.671.611.904	4.290.146.239
Lãi tiền gửi	3.297.295.336	697.252.523
	<hr/>	<hr/>
	10.600.107.195	8.300.688.928
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	7.590.849.387	7.756.024.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	596.778.530	322.240.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	39.530.085	450.049.476
	<hr/>	<hr/>
	8.227.158.002	8.528.314.545
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	1.584.747.197	-
Chi phí vận chuyển	1.118.372.900	61.890.880
Chi phí vật liệu và bao bì	138.306.206	109.630.156
Chi phí khác	2.549.613.305	1.521.164.412
	<hr/>	<hr/>
	5.391.039.608	1.692.685.448
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.184.550.381	13.353.275.931
Chi phí khấu hao	2.401.056.519	2.176.895.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.402.117.354	8.208.603.554
Chi phí dự phòng	103.248.580	226.387.451
Chi phí khác	5.132.543.489	6.182.987.173
	<hr/>	<hr/>
	35.223.516.323	30.148.149.383

31. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	-	1.253.636.363
Các thu nhập khác	701.052.505	708.321.376
	<hr/>	<hr/>
	701.052.505	1.961.957.739

32. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	48.357.581
Các chi phí khác	97.749.195	115.736.672
	<hr/>	<hr/>
	97.749.195	164.094.253

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	978.794.142.563	756.595.439.460
Chi phí hàng hóa thương mại	1.522.346.208.092	1.203.897.811.861
Chi phí nhân công và nhân viên	65.566.330.749	44.493.231.183
Chi phí khấu hao	80.370.150.697	81.340.354.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.982.931.087	70.894.446.943
Chi phí khác	4.611.843.269	5.615.142.836

34. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	80.083.369.714	31.342.749.076
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.552.601.998	3.134.274.908
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	(1.124.110.671)
Chi phí không được khấu trừ thuế	461.431.865	176.801.464
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(3.002.077.365)
Biến động trong chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	815.111.664
	11.014.033.863	-

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập từ 10% đến 20% (năm 2022: từ 10% đến 20%) trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam		
Bán hàng hóa	20.234.758.400	24.956.900.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam		
Bán hàng hóa	8.200.169.477	819.351.050

Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt

	2023 VND	2022 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tổng thù lao		
Bà Lê Quang Thanh Trúc – Chủ tịch	-	82.500.000
Ông Nguyễn Trung – Chủ tịch	210.000.000	97.500.000
Ông Đỗ Thanh Liêm – Thành viên	140.000.000	120.000.000
Ông Đỗ Tuấn Anh – Thành viên	140.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Công Thịnh – Thành viên	-	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Thành viên	-	55.000.000
Ông Hồ Nhân – Thành viên	-	35.000.000
Ông Nguyễn Bá Chủ – Thành viên	10.000.000	30.000.000
Ông Lê Quang Hải – Thành viên	90.000.000	30.000.000
Bà Hà Thị Diệu Thu – Thành viên	60.000.000	-
Tổng Giám đốc		
Tiền lương trung bình một tháng		
Ông Lê Quang Thông	73.680.673	52.000.000
Ông Nguyễn Bá Chủ	-	65.000.000
Ông Hồ Nhân	-	93.662.203

Công ty Cổ phần Đường Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2023	2022
	VND	VND
Nguyên giá của tài sản cố định Công ty mua nhưng chưa thanh toán	14.241.018.388	15.013.905.447

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 28 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Lê Xuân Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Thị Phương Lan
Giám đốc Tài chính

Lê Quang Thông
Tổng Giám đốc

